

CHƯƠNG III: THỐNG KÊ LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

3.1. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG:

3.1.1. Các chỉ tiêu thống kê số lượng lao động:

a. Số lượng lao động thời điểm:

b. Số lượng lao động bình quân: (\bar{T})

* Thống kê số lượng lao động từng ngày:

$$\bar{T} = \sum_{i=1}^n T_i / n$$

Trong đó:

- T_i : Số lượng lao động có ở từng ngày

- n : Số ngày trong kỳ nghiên cứu

* Thống kê số lượng lao động tuần, kỳ:

$$\bar{T} = \frac{\sum T_i t_i}{\sum t_i}$$

Trong đó:

- T_i : số lao động có ở từng thời điểm.

- t_i : thời gian tương ứng có số lượng lao động T_i

- $\sum t_i$: Tổng thời gian theo lịch của kỳ nghiên cứu

* Tình hình lao động ít biến động, không theo dõi được cụ thể thời gian biến động:

$$\bar{T} = \frac{\text{Số lao động có đầu kỳ} + \text{Số lao động có cuối kỳ}}{2}$$

* Để đơn giản trong việc tính (\bar{T}) theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ:

$$\bar{T} = \frac{T_1 + T_{15} + T_c}{3}$$

Trong đó:

- T_1 : Số lao động có ngày đầu tháng (quý, năm)

- T_{15} : Số lao động có ngày giữa tháng (quý, năm)

- T_c : Số lao động có ngày cuối tháng (quý, năm)

3.1.2. Kiểm tra tình hình sử dụng lao động:

* Theo phương pháp giản đơn:

- Số tương đối: T_1/T_0

- Số tuyệt đối: $T_1 - T_0$

Trong đó:

- T_1 : Số lượng lao động kỳ báo cáo (thực tế).

- T_0 : Số lượng lao động kỳ gốc.

* Theo phương pháp kết hợp với kết quả sản xuất:

- Số tương đối: $\bar{T} = \frac{T_1}{T_0} \times \frac{GO_1}{GO_0} \times 100\%$

- Số tuyệt đối: $T_1 - (T_0 \times GO_1/GO_0)$

3.2.THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG:

3.2.1. Lập bảng cân đối lao động

3.2.2. Các chỉ tiêu thống kê tình hình biến động lao động

Thống kê thường sử dụng các chỉ tiêu sau:

$$\text{Hệ số tăng LD trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng lao động tăng trong kỳ theo các nguyên nhân}}{\text{Số lượng lao động bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Hệ số giảm LD trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng lao động giảm trong kỳ theo các nguyên nhân}}{\text{Số lượng lao động bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Số lượng LD b/quân trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng LD có đầu kỳ} + \text{Số lượng LD có cuối kỳ}}{2}$$

3.3.THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THỜI GIAN LAO ĐỘNG CỦA CÔNG NHÂN SẢN XUẤT:

3.3.1 Các chỉ tiêu thống kê thời gian lao động của công nhân sản xuất: lượng lao động hao phí được đo bằng thời gian lao động (ngày công, giờ công).

3.3.2. Các chỉ tiêu phân tích tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất

Các chỉ tiêu sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất bao gồm:

$$\text{Số giờ LVTT b/q trong chế độ} = \frac{\text{Tổng số giờ làm việc thực tế trong chế độ}}{\text{Số ngày làm việc thực tế}}$$

$$\text{Số giờ LVTT bình quân} = \frac{\text{Tổng số giờ công làm việc thực tế}}{\text{Số ngày làm việc thực tế}}$$

$$\text{Hệ số làm thêm giờ} = \frac{\text{Số giờ làm việc thực tế b/q trong một ngày}}{\text{Số giờ làm việc thực tế b/q trong chế độ một ngày}}$$

$$\text{Số ngày LVTT b/q trong chế độ} = \frac{\text{Tổng số ngày công LVTT trong chế độ}}{\text{Số công nhân trong danh sách bình quân}}$$

$$\text{Số ngày LVTT b/q Hệ số} = \frac{\text{Tổng số ngày công làm việc thực tế}}{\text{Số công nhân trong danh sách bình quân} \times \text{Số ngày công làm việc thực tế bình quân}}$$

làm thêm ca = $\frac{\text{Số ngày LVTT bình quân trong chế độ}}$

3.4. THỐNG KÊ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG:

3.4.1. Các chỉ số năng suất lao động:

a. Chỉ số năng suất lao động hiện vật: $I_w(h)$

$$I_w = W_1/W_0 = (q_1/\Gamma_1)/(q_0/\Gamma_0)$$

b. Chỉ số năng suất lao động bằng tiền: có hai cách để xác định

- Chỉ số năng suất lao động tính theo giá hiện hành: I_w

$$\frac{w_1}{w_0} = \frac{\frac{\sum p_1 \cdot q_1}{\sum T_1}}{\frac{\sum p_0 \cdot q_0}{\sum T_0}}$$

- Chỉ số năng suất lao động tính theo giá cố định: I_w

$$\frac{w_1}{w_0} = \frac{\frac{\sum p \cdot q_1}{\sum T_1}}{\frac{\sum p \cdot q_0}{\sum T_0}}$$

Trong đó:

- W_0, W_1 : Năng suất lao động kỳ gốc, kỳ báo cáo.
- P_0, P_1 : Giá bán sản phẩm kỳ gốc.
- q_0, q_1 : Khối lượng sản phẩm SX kỳ gốc, kỳ báo cáo.
- P : Đơn giá cố định của sản phẩm.

3.4.2. Phân tích tình hình biến động của giá trị sản xuất do ảnh hưởng các nhân tố thuộc về lao động.

Ta căn cứ vào phương trình kinh tế: $GO = W \times T$

3.4.3. Các phương pháp phân tích biến động của năng suất lao động do ảnh hưởng các nhân tố sử dụng lao động.

a. Các chỉ tiêu năng suất lao động:

$$\frac{\text{Năng suất lao động giờ}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}} = \frac{\text{Tổng số giờ công LVTT}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}}$$

Đây là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng lao động trong một giờ làm việc

$$\frac{\text{Năng suất lao động ngày}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}} = \frac{\text{Tổng số ngày công LVTT}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}}$$

Hay: $\text{NSLĐ ngày} = \text{NSLĐ giờ} \times \text{Số giờ công LVTT bình quân 1 ngày}$ (1)
Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng lao động trong một ngày làm việc.

$$\frac{\text{Năng suất lao động tháng (quý, năm)}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}} = \frac{\text{Tổng số công nhân trong danh sách b/q}}{\text{Kết quả sản xuất (Q, GO)}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng lao động trong một thời kỳ nhất định

Hay:
$$\frac{\text{LĐ tháng (quý, năm)}}{\text{Số giờ LVTT trong 1 ngày}} = \frac{\text{Năng suất lao động giờ}}{\text{Số ngày LVTT trong kỳ}} \times \text{ bình quân } 1 \text{ c/nhân} \quad (2)$$

b. Phương pháp phân tích biến động của NSLĐ:

* Phân tích biến động của NSLĐ do ảnh hưởng nhân tố sử dụng thời gian lao động :

Ta căn cứ vào phương trình kinh tế: $W = a \times b \times c$.

Trong đó:

- a: Năng suất lao động giờ.
- b: số giờ làm việc thực tế(LVTT) bình quân.
- c: Số ngày LVTT bình quân trong kỳ.

* Phân tích biến động của NSLĐ bình quân (\bar{W})

$$\bar{W} = \frac{\sum W.T}{\sum T}$$

3.5. THỐNG KÊ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

3.5.1. Các chỉ tiêu phản ảnh thu nhập của người lao động:

a. Chỉ tiêu tổng thu nhập của người lao động:

Phản ảnh tổng thu nhập danh nghĩa mà người lao động trong doanh nghiệp tạo ra được trong kỳ.

b. Chỉ tiêu tổng thu nhập thực tế của người lao động:

$$\text{Tổng thu nhập thực tế} = \frac{\text{Tổng thu nhập danh nghĩa} - \text{Thuế thu nhập}}{\text{Chỉ số giá hàng tiêu dùng thiết yếu trong kỳ}}$$

3.5.2. Phân tích tình hình biến động của tổng quỹ lương:

a. Kiểm tra tình hình sử dụng tổng quỹ lương:

* Theo phương pháp giản đơn:

- Số tương đối: F_1/F_0
- Số tuyệt đối: $F_1 - F_0$

* Theo phương pháp kết hợp với kết quả sản xuất:

- Số tương đối: $\frac{F_1}{F_0 \times \frac{GO_1}{GO_0}}$

- Số tuyệt đối: $F_1 - (F_0 \times GO_1/GO_0)$

Trong đó: F_0, F_1 : Tổng quỹ lương sử dụng kỳ gốc, kỳ báo cáo

b. Phân tích biến động của tổng quỹ lương:

Căn cứ vào phương trình kinh tế: $F = f \times T$

c. Các chỉ tiêu tiền lương bình quân:

$$\begin{aligned} \text{- Tiền lương bình quân giờ} &= \frac{\text{Tổng quỹ tiền lương}}{\text{Tổng số giờ công LVTT}} \\ \text{- Tiền lương bình quân ngày} &= \frac{\text{Tổng quỹ tiền lương}}{\text{Tổng số ngày công LVTT}} \end{aligned}$$

$$- \text{Tiền lương bình quân tháng} = \frac{\text{Tổng quỹ tiền lương}}{\text{Số công nhân bình quân tháng}}$$

d. Phân tích tình hình biến động của tiền lương bình quân (\bar{f}):

Căn cứ vào phương trình kinh tế:

$$\bar{f} = \frac{\sum f.T}{\sum T}$$

Trong đó:

- f: Tiền lương của cá nhân, tổ, đội, phân xưởng.
- T: Số lượng lao động của các bộ phận.
- $\sum T$: Tổng số công nhân trong toàn doanh nghiệp.

B. CÁC BÀI TẬP CƠ BẢN:

Bài số 1: Có tài liệu về tình hình lao động trong danh sách của 1 doanh nghiệp trong 2 tháng 9 và 10 năm báo cáo như sau:

- * Số lao động quản lý ngày 1/9 có 40 người, ngày 5/9 tăng thêm 4 người, ngày 13/9 tăng thêm 6 người, ngày 10/10 có 2 người xin chuyển công tác đi nơi khác.
- * Số lao động SXKD: ngày 1/9 có 1.120 người, ngày 10/9 tuyển thêm 200 người, ngày 20/10 cho thôi việc 60 người.
- * Số lao động phục vụ: ngày 1/9 có 20 người, ngày 6/10 có 4 người xin thôi việc, ngày 15/10 tuyển thêm 10 người.

Yêu cầu: Hãy tính các chỉ tiêu sau trong từng tháng:

1. Số lao động trong danh sách bình quân?
2. Kết cấu lao động trong danh sách bình quân?

Bài số 2:

Có số liệu về số lượng công nhân trong danh sách của Công ty M ngày 1/1/2005 là 700 người. Ngày 20/1 công ty tuyển thêm 20 người. Ngày 15/2 tuyển thêm 30 người. Ngày 1/3 công ty cho đi học dài hạn và đi bộ đội 10 người. Ngày 15/3 tuyển thêm 5 người. Giả sử tổng quỹ lương mà Công ty đã sử dụng trong quý I là 1.000 triệu đồng.

Yêu cầu:

1. Tính số lao động bình quân trong quý I của công ty?
2. Xác định mức thu nhập bình quân của một lao động trong quý I?

Bài số 3:

Có tài liệu về tình hình lao động ở một công ty trong 6 tháng đầu năm báo cáo như sau:

- Số lao động có ngày 01/01/06 : 500 công nhân
- Số lao động tăng trong quý 1 : 50 công nhân
- Số lao động tăng trong quý 2 : 40 công nhân
- Số lao động giảm trong quý 1 : 10 công nhân
- Số lao động giảm trong quý 2 : 20 công nhân

Yêu cầu:

1. Tính số lao động bình quân của công ty trong từng quý?

2. Cho biết giá trị sản xuất quý 2 so quý 1 tăng 10% hãy tính toán và đánh giá tình hình sử dụng lao động của công ty?

Bài số 4: Có số liệu về tình hình sản xuất và sử dụng lao động của xí nghiệp A trong kỳ báo cáo như sau:

1. Sản phẩm sản xuất:

Sản phẩm	Số lượng sản phẩm sản xuất (sp)		Đơn giá cố định (1.000 đồng / sản phẩm)
	Kế hoạch	Thực tế	
A	1.200	800	20
B	1.400	1.300	25
C	1.800	2.200	15

2. Lượng lao động sử dụng:

Số công nhân trong danh sách bình quân:

Kế hoạch: 540 người

Thực tế: 530 người

Yêu cầu: Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng lao động của xí nghiệp A theo 2 phương pháp, cho nhận xét ?

Bài số 5:

Có số liệu về tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất xây dựng tại một xí nghiệp trong 2 quý đầu năm 2005 như sau:

Chỉ tiêu	Quý I	Quý II
1. Số ngày công làm việc thực tế trong chế độ	33.200	31.530
2. Số ngày nghỉ lễ và chủ nhật	6.500	7.000
3. Số ngày nghỉ phép năm	1.200	1.000
4. Số ngày công vắng mặt	2.500	2.650
5. Số ngày ngừng việc	1.600	1.500
6. Số ngày công làm thêm	1.000	1.200

Yêu cầu:

1. Xác định các chỉ tiêu sau trong từng quý:

a. Số ngày công theo lịch

b. Số ngày công chế độ

c. Số ngày công có thể sử dụng cao nhất

d. Số ngày công có mặt

e. Số công nhân trong danh sách bình quân

2. Biết giá trị sản xuất công nghiệp quý II so quý I giảm 5%. Hãy xác định việc sử dụng lao động của xí nghiệp quý II so quý I tiết kiệm hay lãng phí?

Bài số 6:

Có số liệu thống kê về số lao động của một đơn vị sản xuất trong năm 2005 như sau:

(đơn vị tính: người)

- Số lao động có đầu năm là: 500, trong đó nam: 200.

- Biến động tăng trong năm gồm:

+ Tuyển mới 50, trong đó nam: 20

+ Đi học và đi bộ đội về 24, trong đó nam: 14

+ Điều động từ nơi khác đến 3 nam

+ Tăng khác 12, trong đó nam: 6

- Biến động giảm trong năm:
- + Cho nghỉ chế độ 35, trong đó nam: 15
- + Xin chuyển công tác 20, trong đó nam: 15
- + Cho đi học và đi bộ đội 18, trong đó nam: 12
- + Nghỉ việc do các lý do khác 20, trong đó nam: 12

Yêu cầu:

1. Lập bảng cân đối lao động của đơn vị.
2. Tính các chỉ tiêu phản ảnh quy mô, cơ cấu nam, nữ và sự biến động lao động của đơn vị trong năm 2005?

Bài số 7:

Có số liệu thống kê về tình hình sử dụng lao động của một doanh nghiệp trong năm 2005 như sau:

- Số lao động có bình quân trong năm: 200 người.
- Số ngày nghỉ lễ, nghỉ chủ nhật bình quân của người lao động trong năm được thực hiện theo quy định chung.
- Tổng số ngày nghỉ phép trong năm của toàn đơn vị là: 3.000 ngày.
- Tổng số ngày vắng mặt của toàn đơn vị trong năm là: 2.000 ngày.
- Tổng số ngày ngừng việc trong năm là: 500 ngày.
- Số ngày công làm thêm là: 300 ngày

Yêu cầu:

1. Xác định các chỉ tiêu sau:
 - a. Số ngày công theo lịch.
 - b. Số ngày công theo chế độ.
 - c. Số ngày công có thể sử dụng cao nhất
 - d. Số ngày công có mặt.
 - e. Số ngày công làm việc thực tế.
2. Tính các chỉ tiêu phân tích tình hình sử dụng thời gian LĐ của công nhân sản xuất?

Bài số 8: Có số liệu về tình hình sản xuất và sử dụng lao động của xí nghiệp X trong 2 kỳ báo cáo như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
1. Giá trị sản xuất (triệu đồng)	8.875	10.140
2. Số lượng lao động (người)	500	520

Yêu cầu: Phân tích tình biến động của giá trị sản xuất (GO) do ảnh hưởng 2 nhân tố: năng suất lao động và số lượng lao động hao phí.

Bài số 9:

Có số liệu thống kê của một doanh nghiệp sản xuất gồm 3 phân xưởng:

Phân xưởng	Năng suất lao động tính theo GO (tr.đ/người)		Số lao động (người)	
	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
I	15	17	50	20
II	16	18	40	40
III	17	19	10	50

Yêu cầu:

1. Tính năng suất lao động bình quân của toàn doanh nghiệp?

2. Sử dụng phương pháp hệ thống chỉ số phân tích tình hình biến động của năng suất lao động bình quân toàn doanh nghiệp do ảnh hưởng 2 nhân tố: Năng suất của từng bộ phận và kết cấu về số lượng lao động hao phí?

Bài số 10:

Có số liệu về tình hình sản xuất và lao động của doanh nghiệp Y trong 2 quý đầu năm 2006 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I	Quý II
1. Giá trị sản xuất (GO)	tr. đồng	7.000	8.030
2. Số lao động bình quân	người	400	440
3. Số ngày công làm việc thực tế	ngày	32.400	34.320
Trong đó: ngày công làm thêm	ngày	1.200	
4. Số giờ công làm việc thực tế	giờ	267.400	291.720
Trong đó: giờ công làm thêm	giờ	8.200	17.160
5. Tổng quỹ lương	tr. đồng	500	528

Yêu cầu:

1. Tính toán các chỉ tiêu phân tích tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất?
2. Kiểm tra tình hình sử dụng tổng quỹ lương của doanh nghiệp là tiết kiệm hay lãng phí? Xác định cụ thể mức tiết kiệm hay lãng phí đó?
3. Tính toán các chỉ tiêu năng suất lao động (giờ, ngày, tháng)?
4. Tính toán các chỉ tiêu tiền lương bình quân?
5. Phân tích biến động của năng suất lao động do ảnh hưởng 3 nhân tố: Năng suất lao động giờ, số giờ làm việc thực tế bình quân trong 1 ngày, số ngày làm việc thực tế bình quân 1 công nhân trong kỳ.

Bài số 11: Có số liệu về tình hình sản xuất của một công ty dệt qua 2 kỳ như sau:

PX	Giá trị sản xuất (triệu đồng)		Số công nhân b/quân (người)	
	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
A	648,5	802	100	144
B	640	806	80	90
C	700	624	70	60
D	910	936	91	90
Cộng	2.898,5	3.168	341	384

Yêu cầu:

1. Đánh giá sự biến động của năng suất lao động toàn công ty giữa 2 kỳ ?
2. Sử dụng phương pháp hệ thống chỉ số phân tích tình hình biến động của GO do ảnh hưởng của 2 nhân tố: năng suất lao động và số lượng lao động?
3. Sử dụng phương pháp hệ thống chỉ số phân tích tình hình biến động của NSLĐ bình quân do ảnh hưởng của các nhân tố: năng suất của từng bộ phận và kết cấu lao động?

Bài số 12: Có số liệu thống kê của một đơn vị như sau:

Chỉ tiêu	Năm gốc	Năm b/ cáo
1. Giá trị sản xuất (GO) (tr. đồng)	8.000	10.000
2. Số lao động bình quân trong năm (người)	100	110
3. Số ngày làm việc b/q của 1 LĐ trong năm (ngày)	250	225

Yêu cầu:

1. Tính các chỉ tiêu năng suất lao động trong từng kỳ?

2. Phân tích tình hình biến động của giá trị sản xuất (GO) do ảnh hưởng của 3 nhân tố: Năng suất lao động ngày, số ngày LVTT bình quân 1 công nhân trong kỳ và số công nhân trong danh sách bình quân?

Bài số 13: Có số liệu thống kê của một doanh nghiệp trong 2 năm báo cáo như sau:

Chỉ tiêu	Năm gốc	Năm báo cáo
1. Năng suất LĐ bình quân ngày 1 LĐ (Tr. đồng/ ngày)	0,3 100	0,33 110
2. Số lao động bình quân (người)	22.000	24.750
3. Tổng số ngày công làm việc thực tế trong năm (ngày)		

Yêu cầu: Sử dụng hệ thống chỉ số phân tích tình hình biến động của giá trị sản xuất (GO) do ảnh hưởng của 3 nhân tố thuộc về lao động: Năng suất lao động ngày, số ngày LVTT bình quân 1 công nhân trong kỳ và số công nhân trong danh sách bình quân?

Bài số 14: Có tài liệu về tình hình sản xuất của xí nghiệp dệt qua 2 tháng như sau:

PX	Giá trị sản xuất (tr.đ)		Khối lượng SPSX (m)		Số CN b/quân (người)	
	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 5	Tháng 6
I	900	1296	18.000	25.920	100	144
II	960	1209	24.000	25.935	80	90
III	1050	936	10.500	7.800	70	60
Cộng	2910	3441	52.500	59.655	250	294

Yêu cầu:

1. Phân tích tình hình biến động của giá trị sản xuất (GO) tháng 6 so với tháng 5 do ảnh hưởng của 2 nhân tố: Năng suất lao động và số công nhân trong danh sách bình quân?

2. Phân tích tình hình biến động của năng suất lao động bình quân tháng 6 so với tháng 5 do ảnh hưởng của 2 nhân tố: Năng suất của từng bộ phận và kết cấu về lượng lao động hao phí?

Bài số 15: Có tình hình sản xuất và lao động của xí nghiệp cơ khí X trong tháng 3 và tháng 4 năm 2005 như sau: (số liệu tính theo giá cố định - Đvt: tr.đồng)

* Tháng 3:

1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GO) : 720
2. Số công nhân bình quân (người) : 100
3. Số ngày công LVTT trong tháng (ngày) : 2400
4. Số giờ công LVTT trong tháng (giờ) : 18.000

* Tháng 4:

1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GO) : 928,714
2. Số công nhân bình quân (người) : 120
3. Số ngày công LVTT trong tháng (ngày) : 3.000
4. Số giờ công LVTT trong tháng (giờ) : 21.000

Yêu cầu: Phân tích tình hình biến động của năng suất lao động tháng 4 so với tháng 3 do ảnh hưởng bởi 3 nhân tố: Năng suất lao động giờ; Số giờ làm việc thực tế bình quân trong 1 ngày; Số ngày làm việc thực tế bình quân 1 tháng ?

Bài số 16:

Có tài liệu về tình hình sản xuất của một Công ty Cơ khí trong tháng 2 và tháng 3 năm 2006 như sau:

I. Tình hình sản xuất:

Sản phẩm	Sản lượng sản xuất (cái)		Đơn giá cố định (1.000đồng /cái)
	Tháng 2	Tháng 3	
A	30.000	50.000	100
B	60.000	65.000	100
C	80.000	90.000	80

II. Tình hình biến động số lượng lao động trong danh sách:

- Ngày 1/2/ 2006 : Có 50 người đang làm việc thực tế
- Ngày 6/2/ 2006 : Tăng 24 người
- Ngày 16/2/ 2006 : Giảm 12 người
- Ngày 21/2 /2006 : Tăng 6 người

Từ đó đến cuối tháng 3 số lượng lao động không đổi

Yêu cầu:

1. Tính giá trị sản xuất công nghiệp của Công ty tháng 2 và tháng 3 năm 2006 ?
2. Tính số lượng lao động bình quân trong tháng 2 và tháng 3 ?
3. Kiểm tra tình hình sử dụng lao động của Công ty theo 2 phương pháp giản đơn và kết hợp với kết quả sản xuất?
4. Phân tích mối quan hệ giữa tốc độ tăng năng suất lao động và tốc độ tăng số lượng lao động?

Bài số 17: Có tài liệu về 1 doanh nghiệp Cơ khí trong 6 tháng cuối năm 2005 như sau:

I. Kết quả sản xuất:

Sản phẩm	Khối lượng thành phẩm SX (1.000 cái)		Khối lượng sản phẩm tiêu thụ (1.000 cái)		Đơn giá cố định (1000 đồng/cái)
	Quý 3	Quý 4	Quý 3	Quý 4	
A	105	115	100	110	100
B	90	98	85	90	120
C	36	33	30	30	150
D	45	38	40	32	300

- Giá trị sản phẩm dở dang đầu quý 3 : 560 triệu đồng
- Giá trị sản phẩm dở dang cuối quý 3 : 650 triệu đồng
- Giá trị sản phẩm dở dang cuối quý 4 : 640 triệu đồng

II. Tình hình khác:**1. Lao động:**

- Số lao động trong danh sách có ngày 1/7 : 350 người
- Ngày 15/ 8 cho thôi việc : 20 người
- Ngày 1/10 nhận thêm 30 người và số liệu không thay đổi cho đến cuối quý 4

2. Tiền lương:

- Tiền lương bình quân 1 lao động trong quý 3 là: 4,2 triệu đồng
- Tiền lương bình quân 1 lao động trong quý 4 là: 4,5 triệu đồng

Yêu cầu:

1. Đánh giá hiệu quả sử dụng lao động quý 4 so với quý 3 và nhận xét?

2. Phân tích tình hình biến động của tổng quỹ lương quý 4 so với quý 3 do ảnh hưởng hai nhân tố: tiền lương bình quân 1 công nhân và số lượng lao động bình quân?

3. Doanh nghiệp sử dụng tổng quỹ lương quý 4 so với quý 3 tiết kiệm (lãng phí). Xác định cụ thể mức tiết kiệm (lãng phí) đó ?

4. Phân tích tình hình biến động tổng doanh thu quý 4 so với quý 3, so sánh và nhận xét

5. Phân tích mối quan hệ giữa tốc độ tăng năng suất lao động và tốc độ tăng tiền lương bình quân ?

Bài số 18: Có số liệu thống kê về lao động và thu nhập của người lao động tại một doanh nghiệp như sau:

Phân xưởng	Thu nhập bình quân 1 lao động (tr.đồng)		Số lao động bình quân (người)	
	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
1	10	8	50	10
2	11	10	40	40
3	12	13	10	80

Yêu cầu:

1. Tính thu nhập bình quân của 1 lao động toàn doanh nghiệp ở kỳ gốc và kỳ báo cáo?

2. Phân tích tình hình biến động của thu nhập bình quân 1 lao động toàn doanh nghiệp kỳ báo cáo so với kỳ gốc do ảnh hưởng của các nhân tố: thu nhập của từng bộ phận và kết cấu về lượng lao động hao phí.

3. Phân tích tình hình biến động của tổng thu nhập do ảnh hưởng của các nhân tố: thu nhập bình quân 1 lao động và số lượng lao động?